

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.
2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 88/2025/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp Ô, xã Long Hựu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị Tuyết N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp Ô, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2025, nguyên đơn anh Trần Tuấn A trình bày: Anh và chị N cưới nhau vào năm 2018, hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 11/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An, nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên không còn khả năng hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Do đó, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 01/6/2019 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2021 đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh A yêu cầu để chị N tiếp tục nuôi 02 con chung, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Anh A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại tờ tự khai ngày 11/9/2025, bị đơn chị Thạch Thị Tuyết N trình bày: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn đúng như anh A trình bày. Trong thời gian vợ chồng chung sống, anh A thường có mối quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng. Chị không muốn vợ chồng ly hôn vì sẽ ảnh hưởng đến con nhưng nay anh A khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 01/6/2019 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2021 đang sống với chị. Chị cũng yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi 02 con theo mức tối thiểu pháp luật quy định mỗi con mỗi tháng 2.205.000 đồng.

Về tài sản chung: để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Trần Tuấn A và chị Thạch Thị Tuyết N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã Long Hựu, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/2019 vào ngày 11/02/2029 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Chị Thạch Thị Tuyết N là bị đơn, cư trú tại ấp Ô, xã L, tỉnh Tây Ninh nên khi anh A có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Anh A và chị N đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh A và chị N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh A và chị N cưới nhau vào năm 2018, sau một thời gian chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh A trình bày là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, còn theo chị N trình bày vợ chồng mâu thuẫn là do anh A có mối quan hệ với người phụ nữ khác làm cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và chị N đồng ý ly hôn với anh A. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa anh A và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh A được ly hôn với chị N.

[3] Về nuôi con chung: Giữa anh A và chị N có 02 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 01/6/2019 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2021 hiện đang sống với chị N. Xét thấy, hiện 02 con chung đang sống với chị N đã ổn định nên việc anh A và chị N đều yêu cầu để chị N tiếp tục được trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A về việc yêu cầu chị N trực tiếp nuôi 02 con chung. Anh A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, việc chị N yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng theo mức tối thiểu pháp luật quy định là 2.202.000 đồng là phù hợp cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: anh A và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: anh A và chị N đều trình bày không có nên không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tuấn A về việc ly hôn đối với chị Thạch Thị Tuyết N

Về hôn nhân: anh Trần Tuấn A được ly hôn với chị Thạch Thị Tuyết N.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 01/6/2019 và Trần Tuấn Kh, sinh ngày 14/9/2021, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con 2.205.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày 25/9/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc anh Trần Tuấn A phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSST; Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003779 ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, anh A phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã L, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang